

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **178/2026/HS-PT**

Ngày: 27 – 7 – 2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình; Bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 256/2026/TLPT-HS ngày 26 tháng 6 năm 2026. Do có kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo; Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đắk Lắk đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 20/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đắk Lắk.

1. Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Họ và tên: **Võ Văn T**, sinh ngày 20/7/1974, tại tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); Nơi cư trú: Số G H, TDP T, phường B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là TDP T, phường B, tỉnh Đắk Lắk); CCCD số: 052074017808; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Đ (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị N (Đã chết); Vợ Hoàng Thị S, sinh năm 1966; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền sự: Không.

Tiền án: 01 (một). Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 142/2021/HS-PT ngày 23/3/2021 của Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm về tội “Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm”.

Nhân thân:

- Ngày 20/07/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk (nay là TAND Khu vực 8 – Đắk Lắk) xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 15 tháng, về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/HSST (đã được xóa án tích);

- Ngày 21/06/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 – TP .) xử phạt 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2007/HS-ST (đã được xóa án tích);

- Ngày 17/05/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) xử phạt 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2016/HSST (đã được xóa án tích).

Các biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với bị cáo như sau:

- Bị cáo Võ Văn T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2023 đến ngày 28/4/2023, sau đó được tại ngoại (*về hành vi đánh bạc*).

- Từ ngày 09/12/2023 đến ngày 06/02/2024, bị cáo Võ Văn T bị bắt tạm giữ, tạm giam; sau đó được tại ngoại (*về hành vi tàng trữ, vận chuyển hàng cấm*).

- Bị cáo Võ Văn T bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh từ ngày 11/6/2025 đến ngày 22/10/2025 tại Bệnh viện Tâm thần thành phố Đ.

- Từ ngày 31/12/2025 cho đến nay, bị cáo Võ Văn T bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo: Ông La Văn T1 thuộc Văn phòng L4-Đoàn luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: Số A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người đại diện hợp pháp của bị cáo, đồng thời là người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1966; Địa chỉ: TDP T, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi Đánh bạc:

Khoảng 13 giờ 45 phút, ngày 21/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B (nay là Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ) phát hiện, bắt quả tang tại Tổ dân phố (TDP) T, phường T, thị xã B (nay là TDP T, phường B), tỉnh Đắk Lắk, các đối tượng Võ Văn T, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975, địa chỉ thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk), Võ L (sinh năm 1988, địa chỉ TDP T, phường B, tỉnh Đắk Lắk), Nguyễn Hữu K (sinh năm 1990, địa chỉ thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk), Nguyễn Quốc T3 (sinh năm 1967, địa chỉ TDP A, phường B, tỉnh Đắk Lắk) và Trịnh Văn L1 (sinh năm 1978, địa chỉ TDP F, phường B, tỉnh Đắk Lắk) đang đánh bạc dưới hình thức đánh bài “xì tố” được thua bằng tiền; thu giữ trên chiếu bạc 02 bộ bài tứ lơ khơ đã qua sử dụng, số tiền 65.700.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng*), tiền xâu bên trong hộp nhựa là 5.900.000 đồng (*năm triệu chín trăm ngàn đồng*); thu giữ trên người Nguyễn Thị T2 số tiền 31.000.000 đồng (*ba mươi một triệu đồng*), Nguyễn Quốc T3 số tiền 2.200.000 đồng (*hai triệu hai trăm ngàn đồng*), Nguyễn Hữu K số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) và Vũ Trọng T4 số tiền 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*).

Qua điều tra xác định: Sáng ngày 21/3/2023, Nguyễn Quốc T3 và Trịnh Văn L1 ngồi uống cà phê với nhau. Trong lúc ngồi uống cà phê T3 nói L1 gọi điện thoại cho Vũ L2 để hỏi có ai đánh bài xì tố được thua bằng tiền không thì được L2 nói để hỏi rồi thông báo lại. Sau đó, L2 gọi điện thoại cho Võ Văn T hỏi có đánh bạc không thì T nói đang tưới nước trong rẫy cà phê của anh Hoàng Ngọc L3 (là cháu T) thuộc

TDP T, phường T, thị xã B (nay là TDP T, phường B) và rủ mọi người vào rầy đánh bạc. Sau đó L2 gọi điện báo cho L1 biết nơi đánh bạc là rầy của cháu bị cáo T ở TDP T, phường T, thị xã B (nay là TDP T, phường B), đồng thời L2 cũng gọi điện cho Nguyễn Thị T2 rủ để đánh bạc thì được T2 đồng ý rồi T2 điều khiển xe mô tô biển số 47E1-51093 đi mua cơm, nước uống, sau đó đến đón L2 để chở vào khu vực rầy nơi T đang tưới nước. Sau đó, L1 gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu K đến uống cà phê ở thành phố B cùng L1 rồi rủ đi đánh bạc thì K đồng ý.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển số 47A – 554.75 (xe này K mượn của chị Phạm Thị Kim O) chở L1 và T3 đến tại chòi rầy ở TDP T, phường T, thị xã B (nay là phường B). Do chưa có ai chuẩn bị bài nên L2 gọi điện thoại cho Vũ Trọng T4 nhờ mua 02 bộ bài tú lơ khơ mang vào rầy cho L2 thì T4 đồng ý. Sau đó T, K, L2, L1 ngồi vào ghế nhựa xung quanh một bàn tròn tại khu vực nhà bếp của chòi rầy, rồi T4 lấy ra 02 bộ bài T5 lơ khơ loại 52 lá ra để mọi người cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì tố được thua bằng tiền. Quá trình các bị cáo đánh bạc thì T2 không đánh thành một tụ riêng mà chỉ có tham gia đánh với một số tụ của 04 người chơi khi thích trong một số ván bài với số tiền từ 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) đến 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*). Kết thúc ván bài nếu tụ mà T2 theo thắng thì T2 sẽ được số tiền tương ứng với số tiền đánh cược đã bỏ ra, ngược lại nếu tụ mà T2 theo thua thì T2 mất hết số tiền cược đã bỏ ra, còn T3 góp chung với K để đánh bạc, thỏa thuận được thua theo tỷ lệ là K 90%, T3 10% số tiền nếu thắng hoặc thua.

Khi bắt đầu chơi, T4 là người gom và đảo bài (*chia bài*) cho mọi người đánh bạc, được khoảng 30 phút T4 đi ngủ và được L1 cho 100.000 đồng (*một trăm ngàn đồng*). Sau đó, T3 có đảo bài một số ván giúp mọi người đánh bạc.

Kết quả điều tra cho thấy, khi tham gia đánh bạc bị cáo Vũ L2 mang theo số tiền 17.600.000 đồng (*mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng*) sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; bị cáo Trịnh Văn L1 mang theo số tiền 15.100.000 đồng (*mười lăm triệu một trăm ngàn đồng*) cho T4 100.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; bị cáo Nguyễn Hữu K mang theo số tiền 33.000.000 đồng (*ba mươi ba triệu đồng*) sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; bị cáo Nguyễn Quốc T3 mang theo số tiền 8.800.000 đồng (*tám triệu, tám trăm ngàn đồng*) sử dụng 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) để góp chung với K cùng tham gia đánh bạc; bị cáo Võ Văn T do không mang theo tiền nên khi bắt đầu đánh bạc đã mượn của T2 số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), do bị thua hết nên tiếp tục hỏi mượn thêm nhưng T2 không đồng ý, nên T đã điện thoại hỏi mượn anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1985, trú tại TDP T, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), được V đồng ý nên T đã nói chuyển vào số tài khoản 0943023177 của Nguyễn Thị T2. Sau khi V chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản của mình, T2 đã lấy tiền mặt 20.000.000 đồng của mình đưa cho T để T tiếp tục đánh bạc; như vậy tổng số tiền T sử dụng đánh bạc là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*); bị cáo Nguyễn Thị T2 mang theo số tiền 61.000.000 đồng (*sáu mươi một triệu đồng*), sử dụng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) để đánh bạc, cho T mượn 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), đưa cho T 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Vũ Trọng T4 khi

được L2 nhờ đi mua bài thì trong người có số tiền 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*), đã sử dụng 100.000 đồng (*một trăm ngàn đồng*) để mua bài, còn lại 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) và khi gom, đảo bài (*chia bài*) được L1 cho 100.000 đồng, tất cả số tiền này T4 không dùng vào mục đích đánh bạc. ***Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 102.700.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu, bảy trăm nghìn đồng).***

Trong vụ án đánh bạc này, các đối tượng Nguyễn Hữu K, Trịnh Văn L1, Vũ L2, Nguyễn Quốc T3, Nguyễn Thị T2 và Vũ Trọng T4 đã bị xét xử tại Bản án hình sự sơ số 39/2023/HS-ST ngày 23/10/2023 của TAND thị xã Buôn Hồ (nay là TAND Khu vực 8 – Đắk Lắk) và Bản án hình sự phúc thẩm số 19/HS-PT ngày 29/01/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

2. Hành vi tàng trữ, vận chuyển hàng cấm:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 08/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ phát hiện, bắt quả tang tại số A đường N, phường A, thị xã B (nay là phường B), tỉnh Đắk Lắk, Võ Văn T có hành vi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47C-199.46 vận chuyển 970 (*chín trăm bảy mươi*) cây (01 cây = 10 bao, loại 20 điếu/bao, tổng cộng là 9.700 bao) thuốc lá điều nhãn hiệu JET. Khám xét khẩn cấp kho tại địa chỉ số A N, TDP A, phường A, thị xã B (nay là phường B), Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ phát hiện 990 (*chín trăm chín mươi*) cây (01 cây = 10 bao, loại 20 điếu/bao, tổng cộng là 9.900 bao) thuốc lá điều nhãn hiệu JET. Tổng số phát hiện trên xe ô tô biển kiểm soát 47C-199.46 và trong kho là: 19.600 bao (loại 20 điếu/bao) thuốc lá điều nhãn hiệu JET.

Qua điều tra xác định: Thông qua các mối quan hệ xã hội, Võ Văn T quen biết với một người đàn ông tên H (*không rõ lai lịch, sinh sống tại tỉnh Gia Lai*). Đầu tháng 10/2023, H gọi điện thoại, thuê bị cáo T vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ huyện C, tỉnh Gia Lai về cất giấu tại thị xã B (nay là phường B), tỉnh Đắk Lắk, sau khi H đến lấy và bán được sẽ trả công vận chuyển cho T (*không nói trả bao nhiêu*), thì T đồng ý và cho biết đang ở tỉnh ngoài, hẹn đầu tháng 12 về rồi tính. Ngày 03/12/2023, H liên hệ lại với T cho biết đã có mặt tại thị xã B (nay là phường B), H nói khi có hàng sẽ gọi điện báo để Thao vận chuyển. Ngày 07/12/2023, H sử dụng số điện thoại 0986.208.674 (thông tin chủ thuê bao ông Rơ Lan H1 sinh ngày 01/01/1985, trú tại Làng C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cũ) gọi điện, hướng dẫn T đường đi đến lô cao su tại xã I, huyện C (nay là xã C), tỉnh Gia Lai nhận hàng. Sau đó, T một mình điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47C-199.46 (là tài sản chung của bị cáo T và vợ là bà Hoàng Thị S) đến địa điểm mà H chỉ dẫn, thấy có một xe tải nhỏ (*không rõ biển kiểm soát*) và một người đàn ông, một người phụ nữ (*không rõ lai lịch*) đi trên xe tải trực tiếp xuống và bốc các bao xác rắn chứa thuốc lá điều nhập lậu từ xe tải qua xe ô tô của T, người đàn ông nói bốc thêm một chuyến rồi H sẽ đến lấy hàng đi bán. Sau khi bốc thuốc lá điều nhập lậu xong, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47C-199.46 vận chuyển số thuốc lá điều trên về cất giấu tại kho của nhà mình ở số A N, TDP A, phường A, thị xã B (nay là phường B). Khi bốc hàng vào kho, Thao kiểm đếm, xác định có 990 cây thuốc lá điều nhãn hiệu JET được đựng trong 20 bao xác rắn. Đến khoảng 09 giờ ngày 08/12/2023, H tiếp tục gọi điện thoại, nói T đến địa điểm cũ tại xã I, huyện C (nay là xã C) để nhận thuốc lá điều, T đồng ý và một mình tiếp tục điều khiển xe 47C-199.46 đến tại điểm trên, khi đến nơi T

thấy có một xe tải nhỏ và 02 người đã gặp ngày 07/12/2023. Người đàn ông và người phụ nữ bốc các bao xác rắn chứa thuốc lá điều nhãn hiệu JET từ thùng xe tải qua xe của T. Lúc này, H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest màu đen (*không rõ biển kiểm soát*) đến gặp T nói T khi về đến Buôn H2 gọi điện để H lấy hàng bán luôn thì T đồng ý. Khi đến địa chỉ số A đường N, phường A, thị xã B (nay là phường B), tỉnh Đắk Lắk thì bị Công an tỉnh Đ bắt quả tang.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định tâm thần đối với bị cáo Võ Văn T như sau:

1. Trưng cầu giám định đối với tội “Đánh bạc”

1.1. Tại bản kết luận giám định số 183/KLGĐ, ngày 30/8/2023 của Trung tâm P kết luận:

“- Về y học: “*Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 21/3/2023 và hiện tại (tại thời điểm giám định) Võ Văn T bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn do tổn thương não (theo bảng phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (ICD10) bệnh có mã là F07.8).*

- Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: “*Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 21/3/2023 và tại thời điểm giám định, Võ Văn T hạn chế khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi*”. (Bút lục số: 172-174).”

1.2. (Giám định lại lần 1) Ngày 06/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B, ra Quyết định trưng cầu giám định lại số 01 (lần thứ nhất), trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương B giám định lại tình trạng tâm thần của bị cáo Võ Văn T.

Tại kết luận số 823/VPYTW đề ngày 10/11/2023 của Viện pháp y tâm thần trung ương B kết luận:

“- Về y học: *Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8-ICD.10).*

- Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi:

+ *Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*

+ *Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*”

1.3 (Giám định lại lần 2)

Ngày 29/01/2026, B ban hành Bản kết luận giám định số 02/KLGĐPYTTLII theo Quyết định trưng cầu giám định lại (lần thứ 2) số 10716/QĐ-CSKT(Đ4) ngày 24/10/2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đối với Võ Văn T thể hiện:

“- *Tại các thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội “Đánh bạc” (ngày 21/3/2023) và tại thời điểm giám định, bị cáo Võ Văn T bị bệnh: Rối loạn khí sắc (cảm xúc) thực tổn; theo Phân loại Bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là F06.3.*

- *Tại các thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội “Đánh bạc” (ngày 21/3/2023), đến trước ngày 04/9/2025 (Thời điểm Bệnh viện Tâm thần Thành phố Đ ra Thông báo về đối tượng áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đã*

ổn định đối với Võ Văn T); bị cáo Võ Văn T hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

- Tại các thời điểm giám định, bệnh Rối loạn khí sắc (cảm xúc) thực tổn (F06.3) của bị cáo Võ Văn T ở giai đoạn thuyên giảm; bị cáo Võ Văn T đủ khả năng nhận thức nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi.”

2. Trung cầu giám định đối với tội “Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm”

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 113/KLGD, ngày 06/6/2025 kết luận:

“+ Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Võ Văn T bị bệnh rối loạn khí sắc (cảm xúc) thực tổn. Giai đoạn bệnh ổn định. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.3. **Tại các thời điểm trên, bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.**

+Tại thời điểm giám định, bị cáo Võ Văn T bị bệnh rối loạn trầm cảm thực tổn. Giai đoạn bệnh cấp tính. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.32. Bị cáo mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”.

3. Trung cầu tại thời điểm hiện tại

Ngày 13/10/2025, Trung tâm P1 có kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 1840/KLGD theo Quyết định trung cầu giám định số 9445/QĐ-CSKT(Đ4) ngày 22/9/2025 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đối với Võ Văn T thời điểm hiện tại, thể hiện:

- Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn khí sắc (cảm xúc) thực tổn, mức độ nhẹ (D06.3 – ICD-10)/Di chứng tổn thương nội sọ (T90.5-ICD-10).

- Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản kết luận giám định ngày 14/12/2023, của Sở C1 thuộc UBND tỉnh Đ, kết luận:

- Về xác định số lượng: 19.600 (Mười chín nghìn sáu trăm) bao (mỗi bao 20 điếu) thuốc lá điều nhãn hiệu JET “JET FILTERKINGS CIGARETTES” bên ngoài không có tem, không có nhãn phụ ghi tiếng Việt trên bao bì.

- Nguồn gốc, xuất xứ: Không sản xuất tại Việt Nam (là hàng nhập lậu).

Tại Bản án số 28/2026/HS-ST ngày 20/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk đã quyết định:

1/ Về tội danh, hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt Võ Văn T 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; các điểm s, q, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Võ Văn T 05 (Năm) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của Bản án hình sự phúc thẩm số 142/2021/HS-PT ngày 23/3/2021 Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng: Buộc bị cáo

Võ Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 31/12/2025 (Được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 22/3/2023 đến ngày 31/3/2023, tạm giữ từ ngày 09/12/2023 đến ngày 18/12/2023; tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến ngày 06/02/2024).

Bị cáo Võ Văn T bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh từ ngày 11/6/2025 đến ngày 22/10/2025 tại Bệnh viện Tâm thần thành phố Đ. Tuy nhiên bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong thời gian bị cáo được tại ngoại nên bị cáo không được khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

2/ Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 46; các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe ô tô biển kiểm soát 47C – 199.46, nhãn hiệu Ford, loại xe tải Pickup; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040632, 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới số DB0528055 của xe ô tô biển kiểm soát 47C – 199.46. Trường hợp bà S có yêu cầu bồi thường một phần giá trị chiếc xe, bà S có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý các vật chứng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị; quyết định về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Kháng cáo:

- Ngày 01/5/2026, bị cáo Võ Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 04/5/2026, đại diện hợp pháp của bị cáo đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại việc tịch thu sung Ngân sách nhà nước chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 47C-199.46 vì bà cho rằng đây là tài sản chung của bà với bị cáo, việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội thì bà không biết.

Kháng nghị: Tại quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSĐLK-KV ngày 04/5/2026 của Viện trưởng VKSND Khu vực 8 – Đắk Lắk đã quyết định kháng nghị một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Văn T về 02 Tội đánh bạc và Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm; đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 đối với tội Đánh bạc; đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Văn T về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS và tội “Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đối với tội Đánh bạc: Bị cáo phạm tội liên tục, số tiền đánh bạc lớn, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 52

BLHS nhưng cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù là không nghiêm khắc.

Đối với tội Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm: Tòa án áp dụng điểm q khoản 1 Điều 51 BLHS là chưa đúng hướng dẫn tại khoản 15 Điều 2 Nghị quyết 04 năm 2025 của HĐTP TANDTC. Bị cáo tàng trữ, vận chuyển hàng cấm với số lượng lớn, phạm tội nhiều lần và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù là quá nhẹ, không đảm bảo tính răn đe.

Đối với kháng cáo của người liên quan về nội dung tịch thu xe ô tô Biển kiểm soát 47C-199.46: Bị cáo sử dụng xe ô tô Biển kiểm soát 47C-199.46 làm phương tiện phạm tội nên cấp sơ thẩm quyết định tịch thu sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Án sơ thẩm đã dành quyền cho bà Hoàng Thị S được khởi kiện bằng vụ án dân sự là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đồng sở hữu.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo; Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Chấp nhận kháng nghị của VKSND Khu vực 8 – Đắk Lắk. Sửa Bản án số 28/2026/HS-ST ngày 20/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Võ Văn T.

***Về hình phạt:**

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Võ Văn T 03 năm tù về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; các điểm s, q, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Võ Văn T 07 năm tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm”.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của Bản án hình sự phúc thẩm số 142/2021/HS-PT ngày 23/3/2021 TAND cấp cao tại Đà Nẵng. Buộc bị cáo Võ Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 năm tù.

***Về biện pháp tư pháp:** Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung này.

Đối với quan điểm của Luật sư, như đã phân tích tại Lời luận tội thì không có căn cứ để chấp nhận. Các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn T trình bày:

- Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo là có căn cứ bởi Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của HĐTP TANDTC không nêu rõ người có công với cách mạng phải là bố, mẹ đẻ của bị cáo mới được áp dụng tình tiết này. Ngoài ra, tại Bản án phúc thẩm số 142 ngày 23/3/2021 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng có áp dụng tình tiết: Bị cáo là người phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng nên đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo.

- Đối với tội đánh bạc, các bị cáo khác trong vụ án chỉ bị xử phạt 03 năm tù trong khi bị cáo T bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Kết luận giám định số 113 đối với tội Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm không xem xét đến quá trình bị cáo đã được điều trị bệnh, được gia đình chăm sóc cho uống thuốc đầy đủ nên không còn bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi là bất lợi cho bị cáo. Bị cáo thường xuyên bị tâm thần nên việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc sẽ ảnh hưởng đến việc điều trị bệnh và cuộc sống của bị cáo.

Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng nghị của VKSND Khu vực 8; chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người đại diện, xử phạt bị cáo mức án khoan hồng nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo, người Đại diện hợp pháp của bị cáo đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo và không tranh luận gì thêm. Chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo thường xuyên bị bệnh để áp dụng chính sách khoan hồng cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Võ Văn T tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở xác định:

[1.1] Vào ngày 21/3/2023 tại chòi rẫy của anh Hoàng Ngọc L3 ở TDP T, phường T, thị xã B (nay là TDP T, phường B), tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Hữu K, Trịnh Văn L1, Vũ L2, Nguyễn Quốc T3, Nguyễn Thị T2 và Vũ Trọng T4 đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài “xì tố” được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 102.700.000 đồng (*một trăm lẻ hai triệu, bảy trăm nghìn đồng*). Trong đó bị cáo T sử dụng 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) để đánh bạc.

[1.2] Ngày 07/12/2023, Võ Văn T, có hành vi điều khiển xe ô tô biển số 47C-199.46 vận chuyển 990 cây (9.900 bao) thuốc lá điều nhãn hiệu JET (nhập lậu) từ xã I, huyện C (nay là xã C), tỉnh Gia Lai về tàng trữ tại nhà kho ở nhà A N, phường A, thị xã B (nay là phường B), tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 08/12/2023, bị cáo T tiếp tục điều khiển xe ô tô biển số 47C-199.46 vận chuyển 970 cây (9.700 bao) thuốc lá điều nhãn hiệu JET (nhập lậu) về A N, phường A, thị xã B (nay là phường B), tỉnh Đắk Lắk thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ bắt quả tang. Tổng số thuốc lá điều nhãn hiệu JET (nhập lậu) mà bị cáo tàng trữ, vận chuyển trong 02 lần là 1.960 cây (19.600 bao).

[1.3] Do đó, án sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Văn T về tội Đánh bạc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo về nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; xét Kháng nghị của VKSND Khu vực 8 – Đắk Lắk đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Đối với nội dung kháng nghị cho rằng án sơ thẩm áp dụng tình tiết “Bị cáo có bố vợ được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và Huân chương chiến công” là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS không đúng, Hội đồng xét xử xét thấy: Cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo là đúng quy định. Bởi lẽ, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của HĐTP TANDTC không nêu rõ người có công với cách mạng phải là bố, mẹ đẻ của bị cáo mới được áp dụng tình tiết này. Mặt khác, khoản 10 Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của HĐTP TANDTC có hướng dẫn: Tòa án có thể coi tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này.

Đối với ý kiến của Luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết: Bị cáo là người đang phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng. Xét thấy: Theo lời trình bày của bà Hoàng Thị S tại phiên tòa thì hiện nay cụ Nguyễn Thị T6 – là Mẹ Việt Nam anh hùng đã chết. Mặt khác, trong một thời gian dài bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi nên không có căn cứ áp dụng thêm tình tiết này cho bị cáo.

[2.2]. Đối với tội Đánh bạc:

Bị cáo Võ Văn T thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 21/3/2023 - đang trong thời gian đang chấp hành thời gian thử thách của án treo theo Bản án hình sự phúc thẩm số 142/2021/HS-PT ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (nay là Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng). Mặc dù đã được tạo điều kiện cho cải tạo ngoài xã hội nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục phạm tội. Ngoài tiền án chưa được xóa, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị kết án về các tội phạm khác. Bị cáo đánh bạc với số tiền lớn, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 52 BLHS nên đáng lẽ phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, đối với hành vi đánh bạc, theo các Kết luận giám định pháp y tâm thần, tại thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên HĐXX cân nhắc, chấp nhận kháng nghị nhưng áp dụng mức hình phạt khoan hồng cho bị cáo.

[2.3]. Đối với tội “Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm”:

Bị cáo Võ Văn T thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian chờ xử lý TNHS đối với tội Đánh bạc nói trên. Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 113/KLGĐ đối với tội Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm đã kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Võ Văn T có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 BLHS đối với tội danh này là không đúng hướng dẫn tại khoản 15 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của HĐTP TANDTC.

Số lượng thuốc lá khởi điểm theo điểm b khoản 3 Điều 191 BLHS là 4.500 bao trở lên có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm. Bị cáo tàng trữ, vận chuyển hàng cấm với số lượng 19.600 bao (gấp hơn 04 lần mức khởi điểm). Bị cáo còn có nhân thân xấu đối với loại tội phạm này, cụ thể: Năm 2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk) xử phạt 12

(mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng về tội “Vận chuyển hàng cấm” cũng là thuốc là JET. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, không chịu rèn luyện để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và phạm tội hai lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần phải xử lý thật nghiêm khắc, nhưng cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù là nhẹ, không tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị S về phần xử lý vật chứng đối với chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 47C-199.46, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 47C-199.46 là tài sản chung của bị cáo và bà Hoàng Thị S, là tài sản chung hợp nhất không phân chia theo phần. Bị cáo đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định tịch thu sung ngân sách Nhà nước là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Án sơ thẩm đã dành quyền cho bà Hoàng Thị S được khởi kiện bằng vụ án dân sự là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị S về nội dung này.

[4]. Từ những phân tích, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo; Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đắk Lắk, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt

[5]. Về án phí:

- Do chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt nên bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

- Do không được chấp nhận kháng cáo phần xử lý vật chứng nên bà Hoàng Thị S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn T và người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Hoàng Thị S.

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị S.

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSDLK-KV ngày 04/5/2026 của Viện trưởng VKSND Khu vực 8 – Đắk Lắk.

- Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 20/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk về hình phạt.

Tuyên xử:

[1] Về tội danh, điều luật áp dụng:

- *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:*

Xử phạt Võ Văn T 02 (Hai) năm 09 (C) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- *Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; các điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:*

Xử phạt Võ Văn T 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm”.

- *Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:* Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của Bản án hình sự phúc thẩm số 142/2021/HS-PT ngày 23/3/2021 Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng. Buộc bị cáo Võ Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 31/12/2025. Được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 22/3/2023 đến ngày 31/3/2023; tạm giữ từ ngày 09/12/2023 đến ngày 18/12/2023; tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến ngày 06/02/2024.

Bị cáo Võ Văn T bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh từ ngày 11/6/2025 đến ngày 22/10/2025 tại Bệnh viện Tâm thần thành phố Đ. Bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong thời gian được tại ngoại nên không được khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

[2] Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; các điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 xe ô tô biển kiểm soát 47C – 199.46, nhãn hiệu Ford, loại xe tải Pickup, số máy: P4AT20707319, số khung: FF80KW905324; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040632, 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới số DB0528055 của xe ô tô biển kiểm soát 47C – 199.46. Bà S có quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo bồi thường bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Võ Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm; Bà Hoàng Thị S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đắk Lắk
- TAND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương